

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày 24 - 10 - 2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất
và hủy quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Lập

2. Ông Nguyễn Hữu Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Quốc Thị Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLST- DS ngày 09/5/2022 (thụ lý bổ sung ngày 16/8/2022) về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18C/2022/QĐXXST- DS ngày 14/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/QĐ- PT ngày 30/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q

Cùng địa chỉ: Tổ 04, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Xuân D; Địa chỉ: Tổ 33, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2022). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Lưu Văn L - Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện M, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị L, anh Lưu Văn C, chị Lưu Thị V, chị Lưu Thị T, anh Lưu Văn C2 - Cùng địa chỉ: Tổ 03, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Trung H - Cùng địa chỉ: Tổ 01, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

- Ông Lưu Văn C3 - Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt

- Ông Lưu Văn N - Địa chỉ: Tổ 05, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai - Địa chỉ: Số 591, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng K - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường G - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Theo văn bản ủy quyền số 569 ngày 24/5/2022). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H2 - Địa chỉ: Tổ 01, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện (đơn khởi kiện bổ sung) và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trương Thanh Q trình bày:

Gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q trực tiếp quản lý, sử dụng hợp pháp diện tích 7.090m² đất đồi màu, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 và tài sản là cây cối, hoa màu trên đất - Địa chỉ thửa đất tại: Tổ 04, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nguồn gốc đất là do nhận thừa kế của bố mẹ theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản lập tại Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSDĐ/ NN-XT.QĐ-H98 do UBND thị xã C cấp ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H, trong đó có thửa số 54, tờ bản đồ số 05 có diện tích là 7.090m² đất đồi màu. Bà Nguyễn Thị T sau khi kết hôn với ông Trương Thanh Q đã sống chung với bố mẹ chồng là ông M, bà H và cùng nhau phát triển kinh tế cho đến khi ông M, bà H chết năm 2012. Sau khi ông M, bà H chết bà T, ông Q là người quản lý toàn bộ đất đai, hoa màu của bố mẹ để lại. Đến cuối năm 2012 thì anh em trong gia đình đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản tại

Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012 và gia đình bà T vẫn tiếp tục sử dụng các diện tích đất được phân chia theo văn bản phân chia di sản thừa kế.

Năm 2013 toàn bộ diện tích đất của gia đình bà T (nhận thừa kế), được phê duyệt và thu hồi vào dự án xây dựng Trường đại học F, trong đó có diện tích 7.090m² đất đồi màu, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, nhưng UBND thành phố L đã không thu hồi, bồi thường diện tích đất và cây cối hoa màu trên diện tích 7.090 m² đất cho gia đình bà T, ông Q mà lại thu hồi và bồi thường nhằm cho gia đình bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C4 theo Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 887/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 với tổng số tiền là 147.496.300đ (*Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn ba trăm đồng*). Do UBND thành phố L ban hành dẫn đến nhà nước lấy đất, san gạt đã làm chết toàn bộ cây cối, hoa màu trên đất do vợ, chồng chị T ở cùng bố mẹ (ông M, bà H) và trực tiếp trồng cây.

Bà T cho rằng UBND thành phố L có Quyết định thu hồi diện tích đất 7.090m² đất màu đồi nhưng không bồi thường cây cối, hoa màu trên đất cho gia đình bà T là trái quy định của pháp luật và đã khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định này. Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã ban hành Bản án số 08/2017/HC-ST ngày 14/9/2017, tại bản án xác định việc thu hồi diện tích đất 7.090 m², tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 của bà Nguyễn Thị N và Lưu Văn C4 là trái pháp luật.

Việc UBND thành phố L cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Văn C4 với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, số vào sổ cấp giấy 00676 ..QSĐĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp là không đúng về trình tự, thủ tục cấp đất vì: Toàn bộ thủ tục cấp quyền sử dụng đối với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 đều do anh Lưu Văn T2 Là con trai của ông Lưu Văn C4 ký, hơn nữa việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Văn C4 diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 đúng vào diện tích đất mà gia đình bà T, ông Q đang quản lý sử dụng, canh tác từ năm 1962 và đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1998.

Vì vậy, bà T, ông Q khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Lưu Văn L, ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị L, anh Lưu Văn C, chị Lưu Thị V, chị Lưu Thị T, anh Lưu Văn C2, bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Trung H, ông Lưu Văn C3, ông Lưu Văn N và người liên quan chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho ông bà và hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Lưu Văn C4 với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, số vào sổ cấp giấy 00676 ..QSĐĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp; Hủy các Quyết định hành chính cá biệt có liên quan đến diện tích đất tranh chấp nêu trên như: Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ gia đình ông Lưu Văn C4; Quyết định cấp đất cho ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05.

Tại đơn thay đổi bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/10/2022, nguyên đơn rút phần một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị

đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại diện tích đất tranh chấp. Đến nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q là chủ sử dụng diện tích đất 7.090m² đất đồi màu, theo GCNQSDĐ số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSDĐ/ NN-XT.QĐ-H98 do UBND thị xã C cấp ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H.

2. Hủy GCNQSDĐ cấp cho ông Lưu Văn C4 với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, số vào sổ cấp giấy 00676 -QSDĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp.

3. Hủy Quyết định cấp đất cho ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05.

Bị đơn ông Lưu Văn L trình bày:

Ông Lưu Văn L là con trai trưởng của ông Lưu Văn C4 và bà Nguyễn Thị N. Về nguồn gốc diện tích đất 7.090m² đất, thửa 54, tờ bản đồ số 05 tại phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai mà ông C4, bà N được cấp GCNQSDĐ thì ông L không biết vì ông về sinh sống tại xã V, huyện M, thành phố Hà Nội từ năm 1979. Ông L xác định nên không có quyền lợi hay đóng góp gì về tài sản này, không có quyền lợi gì liên quan đến thửa đất này nên không tham gia tố tụng tại Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt Ông L.

Quá trình giải quyết vụ án các bị đơn ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị L, anh Lưu Văn C, chị Lưu Thị V, chị Lưu Thị Thúy, anh Lưu Văn C2, bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Trung H, ông Lưu Văn C3, ông Lưu Văn N và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn không đến Tòa án để viết bản tự khai và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố L trình bày:

Thứ nhất, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Lưu Văn C4 diện tích 7.090 m² tại thửa 54, tờ bản đồ 05, số vào sổ cấp giấy 00676/QSDĐ/LX-XT QĐ-H2000 không có ngày cấp.

Năm 1997, Nhà nước tiến hành đo đạc bản đồ địa chính khu vực phường X. Năm 1998, 2000 Nhà nước thực hiện việc giao đất cho người dân. Ngày 10/3/2000, UBND thị xã C thành lập Hội đồng đăng ký đất đai phường X tại quyết định 339/QĐ-UB.

Ngày 06/11/2000 hộ ông Lưu Văn C4 có đơn xin giao đất lâm nghiệp đối với thửa đất 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7.090m². UBND phường X, Phòng địa chính thị xã Cam Đường kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện giao đất lâm nghiệp và cấp GCNQSDĐ, kèm theo biên bản bàn giao đất ngoài thực địa ghi ngày

06/11/2000, trong đó thể hiện người sử dụng đất liền kề gồm: Phía Bắc giáp ông Cầu, Phía Nam giáp ông M, phía Đông giáp bà Hải, phía tây giáp ông Thiết, có tổng diện tích 7.090m² và trình UBND thị xã C cấp GCNQSDĐ tại tờ trình số 08/TTr-UB ngày 26/11/2000.

Ngày 27/11/2000, Sở địa chính Lào Cai kiểm tra hồ sơ xét duyệt đăng ký đất, trong đó đánh giá hồ sơ giai đoạn I đạt yêu cầu, chuyển tiếp thực hiện giao, Ngày 10/3/2000, UBND thị xã C (nay là UBND thành phố L) đã thành lập Hội đồng đăng ký đất.

Ngày 04/12/2000, UBND thị xã C (nay là UBND thành phố L) đã ban hành quyết định số 346/QĐ-UB về việc cấp GCNQSDĐ cho 28 hộ gia đình tại phường X, trong đó có hộ ông Lưu Văn C4 (số thứ tự 28 - Danh sách các hộ gia đình được cấp GCNQSDĐ; diện tích 7.090m²).

Từ những căn cứ nêu trên, UBND thành phố L thấy việc UBND thành phố L (UBND thị xã C cũ) ban hành quyết định số 346/QĐ-UB ngày 04/12/2000 về việc cấp GCNQSDĐ cho 28 hộ gia đình tại phường X, trong đó có hộ ông Lưu Văn C4 đảm bảo đúng thẩm quyền (*được quy định tại khoản 2, điều 24, khoản 2 điều 36, Luật đất đai 1993*) và trình tự (*được quy định tại mục I, phần 2, thông tư số 346/1998/TT-BTNMT*). Do vậy, việc bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q yêu cầu hủy một phần Quyết định số 346/QĐ-UB ngày 04/12/2000 do UBND thành phố L (UBND thị xã C cũ) cấp cho hộ ông Lưu Văn C4 là không có cơ sở thực hiện.

Thứ hai, đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị T và Ông Trương Thanh Q yêu cầu Tòa án hủy quyết định cấp đất cho ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090 m² tại thửa 54, tờ bản đồ 05.

Thực hiện Bản án số 08/2017/HC-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Trong đó, yêu cầu UBND thành phố L hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trường đại học F của UBND thành phố L đối với phần diện tích đất rừng 7.090m² tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Tổ 04, phường X được cấp cho ông Lưu Văn C4. Ngày 29/12/2017 UBND thành phố L đã ban hành Quyết định số 4005/QĐ -UBND về hủy bỏ một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 của UBND thành phố L về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trường đại học F đối với phần diện tích đất rừng 7.090m². Ngày 22/9/2020 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1694/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Trường đại học F (Đại học Lào Cai), phường X, thành phố Lào Cai đối với phần diện tích đất rừng 7.090m² và toàn bộ tài sản trên đất (Điều chỉnh giảm trừ: 160.482.000đ) tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thửa đất: Tổ 4, phường X, thành phố Lào Cai.

Do vậy, UBND thành phố L nhận thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q yêu cầu Tòa án hủy quyết định phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của ông Lưu Văn C4 và quyết định cấp đất cho ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090 m² tại thửa 54, tờ bản đồ 05 là không có cơ sở giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai qua xét hỏi, tranh tụng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Khoản 4 Điều 34, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q; Tuyên án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

The Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q là chủ sử dụng diện tích đất 7.090m² đất đồi màu, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSĐĐ/ NN-XT.QĐ-H98 do UBND thị xã C cấp ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lưu Văn C4 với diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, số vào sổ cấp giấy 00676 ..QSĐĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp.

- Hủy Quyết định cấp đất cho ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05.

Vì vậy xác định mối quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013 và khoản 2 Điều 26, Điều 34, Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về những người tham gia tố tụng trong vụ án và tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, ông Trương Thanh Q:

[3.1] Xét yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T, ông Trương Thanh Q:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trương Thanh Q xác định diện tích 7.090 m² đất màu đồi, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 và tài sản là cây cối, hoa màu trên đất, địa chỉ tại: Tổ 04 phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có nguồn gốc là do nhận thừa kế của bố mẹ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh về nguồn gốc đất là văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản lập tại Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012, theo GCNQSDĐ số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSDĐ/NN-XT. QĐ-H98 do UBND thị xã C cấp ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H.

Ngày 20/12/2013 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 3802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án xây dựng công trình Trường đại học F. Tuy nhiên, trong quyết định thu hồi đất trên không có diện tích 7.090 m² đất màu đồi tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 của gia đình bà T, mà diện tích đất trên lại được thu hồi và bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn C4 tại Quyết định số 887/QĐ- UBND ngày 22/4/2014 dẫn đến Nhà nước lấy đất, san gạt đã gây thiệt hại về tài sản là cây cối, hoa màu trên đất của gia đình bà T.

Ngày 23/11/2016 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 2420/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 7.090 m² đất màu đồi, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 của gia đình bà T, nhưng lại không bồi thường tài sản trên đất cho gia đình bà T.

Bà Nguyễn Thị T đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND thành phố L. Tại bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai, phần quyết định của bản án đã tuyên: *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Hủy quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố L; Hủy quyết định 5690/QĐ- UBND ngày 25/11/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị T...; hủy một phần quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trường Đại học F của UBND thành phố L đối với phần diện*

tích đất rừng 7.090 m² tại thửa số 54, tờ bản đồ 05, địa chỉ thửa đất: tổ 04, phường X, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Sau khi bản án số 08/2017/ HC-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai có hiệu lực pháp luật, UBND thành phố L đã ban hành Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 về việc hủy bỏ toàn bộ quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc thu hồi GCNQSDĐ số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380, tờ bản đồ số 05, thửa 54 ngày 24/10/1998 của UBND thành phố L; hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Trường đại học F của UBND thành phố L đối với phần diện tích đất rừng 7.090 m² tại thửa số 54, tờ bản đồ 05, địa chỉ thửa đất tại tổ 4 phường X, thành phố Lào Cai.

Tại công văn số 196/UBND ngày 31/8/2020 của UBND phường X xác định: *Nguồn gốc thửa đất số 54, tờ bản đồ 05, diện tích 7.090 m² đất đồi màu được UBND thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Văn M, bà Vũ Thị H ngày 24/10/1998, sổ vào sổ 00380.QSDĐ/NN- XTQĐ- H98; vào sổ mục kê năm 1999 mang tên ông Trương Văn M.*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng gồm: Ông Trần Ngọc L, bà Trương Thị P, bà Nguyễn Thị V, ông Hoàng Văn B, bà Nguyễn Thị N, ông Đào Ngọc Đ đều là những người biết về nguồn gốc thửa đất trên, những người làm chứng trên đều xác định diện tích đất trên gia đình chị Nguyễn Thị T và anh Trương Thanh Q nhận thừa kế của bố mẹ là ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H và sử dụng trồng cây cối hoa màu từ nhiều năm nay.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/04/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xác định diện tích đất tranh chấp đã bị thu hồi và bồi thường cho gia đình bà Nguyễn Thị N, ông Lưu Văn C4 theo quyết định 887/QĐ - UBND ngày 22/04/2014 để thực hiện đầu tư dự án công trình Trường đại học F. Đến nay diện tích đất đã bị san gạt, không còn nguyên hiện trạng nên không thể xác định được ranh giới. Căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ, sổ địa chính và bản đồ đo đạc địa chính phường X số hóa năm 2006, đơn vị đo đạc sử dụng phương pháp chuyên hóa tọa độ ra ngoài thực địa xác định được như sau: Diện tích tranh chấp thuộc thửa 54, tờ bản đồ số 05, diện tích 7.090m² đất màu đồi, trên bản đồ đo đạc quy chủ hộ ông Trương Văn M quản lý sử dụng.

+ Phía Bắc tiếp giáp các thửa đất 31, 32, 33 tờ bản đồ số 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ ông Lưu Văn C4*).

+ Phía Nam giáp thửa 62, tờ bản đồ 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ ông Lưu Văn T2 quản lý sử dụng*) và thửa 105, tờ bản đồ 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ ông Trương Văn M quản lý sử dụng*).

+ Phía Đông giáp thửa 55, tờ bản đồ 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ ông Trương Văn M quản lý sử dụng*).

+ Phía Tây giáp thửa 53, tờ bản đồ 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng*) và giáp thửa 14, tờ bản đồ 05 + Phía Đông giáp thửa 55, tờ bản đồ 05 (*Trên bản đồ trước khi bị thu hồi quy chủ hộ ông Trương Văn M quản lý sử dụng*). Tài sản trên đất hiện nay không có tài sản, không trồng cây cối hoa màu gì.

Trên cơ sở những phân tích nêu trên xét thấy, diện tích đất 7.090 m² tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 được UBND thị xã C cấp GCNQSDĐ số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSDĐ/ NN-XT. QĐ-H98 ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H là đúng quy định pháp luật về Thảm quyền, trình tự, thủ tục. Lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh của những người sống lâu năm tại phường X có đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp nêu trên là của hộ ông Trương Văn M để lại cho con là bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q nhận thừa kế của bố, mẹ theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho tài sản lập tại Văn phòng công chứng số 3 tỉnh Lào Cai ngày 09/11/2012. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn về việc công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q được quyền sử dụng diện tích đất 7.090 m², tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy 00676 ..QSDĐ/LN-XT QĐ-H2000 diện tích đất 7.090 m², tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 cấp cho hộ ông Lưu Văn C4.

Từ những phân tích ở trên thấy rằng việc UBND thị xã C (Nay là UBND thành phố L) cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Văn C4 với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05, số vào sổ cấp giấy 00676 ..QSDĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp là không đúng về trình tự, thủ tục cấp đất vì: Toàn bộ thủ tục cấp quyền sử dụng đối với diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 đều do anh Lưu Văn T2 là con trai của ông Lưu Văn C4 ký. Hơn nữa việc cấp GCNQSDĐ cho ông Lưu Văn C4 diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 là chồng chéo vào diện tích đất mà gia đình bà T, ông Q quản lý sử dụng, canh tác từ năm 1962 và đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 1998. Khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Lưu Văn C4 mà không tiến hành việc thu hồi diện tích đất nêu trên đã cấp cho hộ ông Trương Văn M là không đúng theo quy định tại Điều 12 và Điều 15 Luật Đất đai năm 1993.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy GCNQSDĐ số vào sổ 00676..QSDĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 của UBND thị xã C cấp cho hộ ông Lưu Văn C4 và hủy một phần Quyết định cấp đất số 346/QĐ-UB của UBND thị xã C ngày 04/12/2000 đối với diện tích đất 7.090 m², tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 cấp cho hộ ông Lưu Văn C4 là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại đất và yêu cầu về việc hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ gia đình

ông Lưu Văn C4. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng:

Ủy ban nhân dân thành phố L phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*). Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố L có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 74, Điều 144, Điều 155, Điều 157, Điều 158, Điều 147, Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 163, Điều 166, Điều 175, Điều 258, Điều 612 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Trương Thanh Q.

- Công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q được quyền sử dụng diện tích đất 7.090 m², tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L373664, vào sổ cấp giấy số 00380/QSDĐ/NN-XT. QĐ-H98 do Ủy ban nhân dân thị xã C (Nay là Ủy ban nhân dân thành phố L), tỉnh Lào Cai cấp ngày 24/10/1998 mang tên hộ ông Trương Văn M và bà Vũ Thị H. Địa chỉ thửa đất tại: Tổ 04 phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 00676 .QSDĐ/LN-XT QĐ-H2000 không ghi ngày tháng năm cấp; mang tên ông Lưu Văn C4 diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05. Địa chỉ thửa đất tại: Tổ 04 phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Hủy một phần quyết định số 346/QĐ-UB ngày 04/12/2000 do UBND thành phố L cấp cho hộ ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q về yêu cầu buộc bị đơn ông Lưu Văn L, ông Lưu Văn K, bà Nguyễn Thị L, anh Lưu Văn C, chị Lưu Thị V, chị Lưu Thị Thúy, anh Lưu Văn C2, bà Lưu Thị H, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Trung H, ông Lưu Văn C3, ông Lưu Văn N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H2 phải trả lại diện tích đất diện tích 7.090m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05 cho bà T, ông Q và yêu cầu hủy Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của hộ gia đình ông Lưu Văn C4 đối với diện tích 7.090 m² đất, tại thửa 54, tờ bản đồ số 05.

3. Về chi phí tố tụng:

Ủy ban nhân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000đồng (*Tám triệu đồng*) do bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải hoàn trả, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T và ông Trương Thanh Q số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001287 ngày 31/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ủy ban nhân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Thanh